TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**
Số: 09/2023/QĐST-HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 116/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/03/2023 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

+ Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: số 49C1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường A, thành phố Đ, tỉnh L.

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 49C1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường A, thành phố Đ, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn 2013 tại UBND phường A, thành phố Đ, tỉnh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân của anh P và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh P đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi nay anh P và chị T xác định không còn tình cảm với nhau, có cố gắng níu kéo thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên anh P và chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của anh P và chị T là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Thị T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12/09/2013. Ly hôn hai bên thỏa thuận chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12/09/2013 cho đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp

luật. Anh Nguyễn Tấn P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 03/2023 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Thị T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tấn P thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12/09/2013 cho đến khi con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Tấn P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 03/2023 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.2- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.2- Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh P đã

tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011483 ngày 03/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân TP.Đ;
- UBND phường A, thành phố Đ, L;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Chu Văn Bình